

Số: 501/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 382/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà **Lương Thị Xuân D** - sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: đường L, Phường M, quận B, Tp.HCM.

2. Ông **Nguyễn Ngọc Minh S** – sinh năm 1982

Địa chỉ: đường L, Phường M, quận B, Tp.HCM.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 194/2010, quyền số 01/2010 do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2010 thì ông S và bà D là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thỏa thuận của các đương sự:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà D cùng trình bày ông bà tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2010. Trong quá trình chung sống, giữa hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không được. Nay hai bên nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông S và bà D là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/12/2011. Hai bên thỏa thuận ông S trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T, ông S không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, bà D đồng ý là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lương Thị Xuân D và ông Nguyễn Ngọc Minh S chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Xuân D và ông Nguyễn Ngọc Minh S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/12/2011 cho ông Nguyễn Ngọc Minh S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Lương Thị Xuân D do ông S không yêu cầu.

Bà Lương Thị Xuân D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

**2.** Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Lương Thị Xuân D và ông Nguyễn Ngọc Minh S nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông, bà đã nộp theo Biên lai thu số 0016357 ngày 29/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- UBND P.12, Q.Tân Bình, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Bành Kim Phụng**